

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 28.02.2019 Phiên bản 1.2

Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Định dạng sản phẩm

Số Danh Mục	822333
Tên sản phẩm	Hydroquinone for synthesis
REACH Số Đăng ký	Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn
Số CAS	123-31-9

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	Hóa chất để tổng hợp Để biết thêm thông tin về cách sử dụng, hãy tham khảo cổng thông tin Các hóa chất của Merck (www.merckgroup.com).
--	---

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty	Merck KGaA * D-64271 Darmstadt * Đức* ĐT: +49 61 51 72-0
Đơn vị phụ trách	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM Thời gian làm việc: Thứ 2 đến thứ 6 (8:00 đến 17:00)
Đại diện khu vực	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

1.4 Điện thoại khẩn cấp ĐT: +84 8 38420100/ + 84 8 38420117

Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp Phân loại (Quy định số 1272/2008 (EC))

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 822333
Tên sản phẩm Hydroquinone for synthesis

Độc tính gây ung thư, Nhóm 2, H351
Biến đổi tế bào gốc, Nhóm 2, H341
Độc tính cấp tính, Nhóm 4, Đường miệng, H302
Gây tổn thương nặng cho mắt, Nhóm 1, H318
Nhạy cảm với da, Nhóm 1, H317
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh, Nhóm 1, H400
Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

2.2 Các yếu tố nhãn

Dán nhãn (Quy định số 1272/2008 (EC))

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo
Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H302 Có hại nếu nuốt phải.
H317 Có thể gây phản ứng dị ứng da.
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H341 Nghi ngờ gây ra các khiếm khuyết về di truyền.
H351 Nghi ngờ gây ung thư.
H400 Rất độc đối với thủy sinh vật.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa
P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
P280 Đeo găng tay bảo hộ.
P280 Đeo các thiết bị bảo vệ mắt.
Biện pháp ứng phó
P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.
P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút.
Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.
P313 Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

Ghi nhãn bị giảm (≤ 125 ml)

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo
Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H351 Nghi ngờ gây ung thư.
H341 Nghi ngờ gây ra các khiếm khuyết về di truyền.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 822333
Tên sản phẩm Hydroquinone for synthesis

H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H317 Có thể gây phản ứng dị ứng da.

Các lưu ý phòng ngừa

P280 Đeo găng tay bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.
P308 + P313 NẾU đã bị hoặc có lo lắng đến phơi nhiễm: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.
P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.
P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

Số CAS 123-31-9

2.3 Các nguy cơ khác

Được biết là chưa xảy ra.

Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

3.1 Chất

Công thức	C ₆ H ₄ (OH) ₂	C ₆ H ₆ O ₂ (Hill)
Số EC	204-617-8	
Khối lượng mol	110,11 g/mol	

Thành phần nguy hiểm (Quy định số 1272/2008 (EC))

Tên hóa học (Nồng độ)

Số CAS Số đăng ký Phân loại
hydroquinone (<= 100 %)

123-31-9 *)

Độc tính gây ung thư, Nhóm 2, H351
Biến đổi tế bào gốc, Nhóm 2, H341
Độc tính cấp tính, Nhóm 4, H302
Gây tổn thương nặng cho mắt, Nhóm 1, H318
Nhạy cảm với da, Nhóm 1, H317
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh, Nhóm 1, H400

Nhân tố M: 10

*) Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H để cập đến trong mục này, xem mục 16.

3.2 Hỗn hợp

Không áp dụng được

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sau khi hít phải: không khí sạch. Gọi bác sĩ.

Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm. Tham vấn bác sĩ.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 822333
Tên sản phẩm Hydroquinone for synthesis

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gọi bác sĩ nhãn khoa ngay lập tức. Gỡ bỏ kính áp tròng.

Sau khi nuốt vào: cho nạn nhân uống nước ngay lập tức (nhiều nhất hai cốc). Tham vấn bác sĩ.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Kích ứng và ăn mòn, Các phản ứng dị ứng, Ho, Buồn nôn, Nôn mửa, Tiêu chảy, suy sụp, Chứng xanh tím do thiếu oxy, Khó thở
Rủi ro bị hiện tượng mờ dạng mây ở giác mạc.
Rủi ro gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Không có thông tin.

Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy phù hợp

Nước, Bọt, Carbon dioxide (CO₂), Bọt khô

Các phương tiện chữa cháy không phù hợp

Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

dễ cháy

Có thể phân hủy gây nổ khi đun nóng.

Nguy cơ nổ bụi.

Các hơi này nặng hơn không khí và có thể lan toả dọc theo sàn nhà.

Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí nóng quá mức.

Có thể phát sinh khí hoặc hơi dễ cháy nguy hiểm khi có lửa.

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa

Chỉ ở trong khu vực nguy hiểm khi có thiết bị hô hấp khép kín. Tránh tiếp xúc với da bằng cách giữ khoảng cách an toàn hoặc bằng cách mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

Thông tin khác

Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Tránh hít bụi.

Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia.

Lời khuyên dành cho người ứng cứu khẩn cấp:

Thiết bị bảo hộ xem phần 8.

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 822333
Tên sản phẩm Hydroquinone for synthesis

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.

Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10). Thấm khô. Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng. Tránh tạo ra bụi.

6.4 Xem các mục khác

Các chỉ dẫn về xử lý chất thải xem phần 13.

Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất

Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn
Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.

Làm việc có mũ bảo hộ. Không hít chất/hỗn hợp.

Các biện pháp vệ sinh

Thay ngay quần áo bẩn. Dùng biện pháp bảo vệ da. Rửa tay và mặt sau khi làm việc với hóa chất.

7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Điều kiện lưu trữ

Được bảo vệ tránh ánh sáng.

Đóng chặt. Khô.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị, xem nhãn sản phẩm.

7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các cách sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không thấy trước cách sử dụng cụ thể nào khác.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

hydroquinone (123-31-9)

VN OEL	Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc (TWA):	0,5 mg/m ³
	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn (STEL):	1,5 mg/m ³

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Các biện pháp kỹ thuật

Các phương pháp kỹ thuật và thao tác làm việc phù hợp phải được ưu tiên đối với việc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.

Xem phần 7.1.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

822333
Hydroquinone for synthesis

Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Quần áo bảo hộ cần phải được chọn cụ thể cho nơi làm việc, tùy vào nồng độ và lượng hóa chất nguy hiểm được xử lý. Phải yêu cầu thiết bị bảo vệ chống hóa chất tại nhà cung cấp tương ứng.

Bảo vệ mắt/mặt

Kính bảo hộ vừa khí

Bảo vệ tay

tiếp xúc hoàn toàn:

Chất liệu găng tay:	Cao su nitrile
Độ dày của găng:	0,11 mm
Thời gian thấm:	> 480 min

tiếp xúc một lượng nhỏ:

Chất liệu găng tay:	Cao su nitrile
Độ dày của găng:	0,11 mm
Thời gian thấm:	> 480 min

Găng tay bảo hộ được sử dụng phải tuân theo các thông số của Chỉ thị EC 89/686/EEC và EN374 chuẩn có liên quan chẳng hạn KCL 741 Dermatrill® L (tiếp xúc hoàn toàn), KCL 741 Dermatrill® L (tiếp xúc một lượng nhỏ).

Số lần thủng được nêu ở trên được xác định bằng KCL trong các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm theo EN374 với các mẫu về loại găng tay được đề xuất.

Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và cho mục đích sử dụng được chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các hóa chất khác và trong các điều kiện sai khác với các

Thiết bị bảo hộ khác

quần áo bảo hộ

Bảo vệ hô hấp

bắt buộc khi có bụi.

Loại bộ lọc đề xuất: Bình lọc A-(P2)

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thiết bị bảo vệ hô hấp được tiến hành theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành tài liệu đúng cách.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

Phần 9. Các tính chất vật lý và hóa học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

Hình thể	rắn
Màu sắc	màu trắng nhạt
Mùi đặc trưng	không mùi
Ngưỡng mùi	Không áp dụng được
Độ pH	Không có thông tin.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 822333
Tên sản phẩm Hydroquinone for synthesis

Điểm nóng chảy	172 °C (sự phân hủy)
Điểm sôi/khoảng sôi	287 °C ở 1.013 hPa
Điểm chớp cháy	165 °C Phương pháp: c.c.
Tỷ lệ hóa hơi	Không có thông tin.
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin.
Giới hạn dưới của cháy nổ	Không có thông tin.
Giới hạn trên của cháy nổ	Không có thông tin.
Áp suất hóa hơi	< 0,1 hPa ở 25 °C
Tỷ trọng hơi tương đối	3,81
Mật độ	1,358 g/cm ³ ở 20 °C
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin.
Tính tan trong nước	70 g/l ở 25 °C
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	log Pow: 0,59 (thử nghiệm) (Lít) Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin.
Nhiệt độ phân hủy	> 170 °C
Độ nhớt, động lực	Không có thông tin.
Đặc tính cháy nổ	Không được phân loại là dễ nổ.
Đặc tính ôxy hóa	không

9.2 Các dữ liệu khác

Nhiệt độ bốc cháy	515 °C ở 1.013 hPa
Mật độ lớn	Khoảng 600 kg/m ³

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

822333
Hydroquinone for synthesis

Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

Nguy cơ nổ bụi.
Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí nóng quá mức.
Khoảng từ 15 độ Kelvin dưới điểm chớp được xếp hạng là nguy hiểm.

10.2 Tính ổn định hóa học

Nhạy cảm với ánh sáng
dễ thăng hoa
Nhạy với không khí.

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

tăng cường phản ứng với:
Nhôm
Rủi ro nổ với:
Oxy
Phản ứng tỏa nhiệt với:
Các chất oxy hóa mạnh, Các chất kiềm
Có thể phản ứng mạnh với:
natri hydroxide

10.4 Các điều kiện cần tránh

Nhiệt độ cao.

10.5 Các vật liệu xung khắc

không có thông tin

10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

không có thông tin

Phần 11. Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Độc tính cấp theo đường miệng
LD50 Mèo: 42 - 86 mg/kg

LDLO con người: 29 mg/kg

(RTECS)

LD50 Chuột: 302 mg/kg

IUCLID)

Triệu chứng: Buồn nôn, Nôn mửa, Tiêu chảy

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

822333
Hydroquinone for synthesis

Độc tính cấp do hít phải

Triệu chứng: Hư hỏng có thể, kích thích màng nhầy, Phù phổi, Các triệu chứng có thể bị chậm lại

Độc tính cấp qua da

Thông tin này không có sẵn.

Kích ứng da

Thỏ

Kết quả: Không kích thích

IUCLID)

Kích ứng mắt

Rủi ro bị hiện tượng mờ dạng mây ở giác mạc.

Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Nhạy cảm

Kiểm tra cảm giác: Chuột lang

Kết quả: Dương tính

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406

Có thể gây phản ứng dị ứng da.

Biến đổi tế bào gốc

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm

Chất gây đột biến (kiểm tra tế bào động vật có vú): đột biến thể nhiễm sắc.

Kết quả: Dương tính

Phương pháp: Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 473

Xét nghiệm Ames

Kết quả: Âm tính

Phương pháp: Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 471

Độc tính gây ung thư

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính đối với sinh sản

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Thông tin này không có sẵn.

Ảnh hưởng CMR

Độc tính gây ung thư:

Nghi ngờ gây ung thư.

Tính gây đột biến:

Nghi ngờ gây ra các khiếm khuyết về di truyền.

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần

Thông tin này không có sẵn.

Nguy cơ hô hấp

Thông tin này không có sẵn.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 822333
Tên sản phẩm Hydroquinone for synthesis

11.2 Thông tin khác

Sau khi hấp thụ:
Chứng xanh tím do thiếu oxy, suy sụp
Không loại trừ các đặc tính nguy hiểm khác
Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp.

Phần 12. Thông tin sinh thái học

12.1 Độc tính

Độc đối với cá

LC50 Pimephales promelas (cá tuế đầu to): 0,044 mg/l; 96 h
IUCLID)

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác

EC50 Tetrahymen pyriformis: 95 mg/l; 60 h
IUCLID)

EC50 Daphnia magna (Bọ nước): 0,29 mg/l; 48 h

Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202

Độc đối với tảo

IC50 Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục): 0,335 mg/l; 72 h
IUCLID)

Độc tính đối với vi khuẩn

kiểm tra độc tố EC50 Photobacterium phosphoreum (Vi khuẩn phát huỳnh quang):
0,038 mg/l; 30 min
IUCLID)

12.2 Tính bền vững và phân hủy

Tính phân hủy sinh học

86 %; 14 d

Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 301C

Để phân hủy sinh học.

Nhu cầu oxy trên lý thuyết (ThOD)

1.890 mg/g

IUCLID)

Ratio BOD/ThBOD

BOD5 33 %

(Lít)

Ratio COD/ThBOD

90 - 97 %

(Lít)

12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

Hệ số phân tán: n-octanol/nước

log Pow: 0,59

(thử nghiệm)

(Lít) Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.

12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tin.

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 822333
Tên sản phẩm Hydroquinone for synthesis

Không có đánh giá PBT/vPvB vì đánh giá an toàn hóa chất không bắt buộc/không được tiến hành.

12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

Các thông tin sinh thái khác

Hiệu ứng sinh học:

Tạo thành hỗn hợp nguy hiểm cho sức khỏe khi kết hợp với nước. Mỗi nguy hiểm đối với nguồn cấp nước uống.

Cần tránh thải loại vào môi trường.

Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

Các phương pháp xử lý chất thải

Rác thải phải được vớt bỏ theo các quy định của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khác. Xử lý các hộp đựng bẩn giống như xử lý sản phẩm.

Xem www.retrologistik.com để biết quy trình về việc trả lại hóa chất và bình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu có câu hỏi nào khác.

Phần 14. Thông tin vận chuyển

Vận tải mặt đất (ADR/RID)

14.1 Số UN	UN 3077
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID, N.O.S. (HYDROQUINONE)
14.3 Hạng	9
14.4 Nhóm đóng gói	III
14.5 môi trường độc hại	có
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	có
Mã giới hạn đối với vận chuyển qua đường hầm	-
Các gói nhỏ hơn hoặc bằng 5 kg / L, không phải hàng hóa nguy hiểm thuộc Nhóm 9	

Vận tải đường thủy nội địa (ADN)

Không liên quan

Vận tải đường không (IATA)

14.1 Số UN	UN 3077
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID, N.O.S. (HYDROQUINONE)
14.3 Hạng	9
14.4 Nhóm đóng gói	III
14.5 môi trường độc hại	có

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 822333
Tên sản phẩm Hydroquinone for synthesis

14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng không

Các gói nhỏ hơn hoặc bằng 5 kg / L, không phải hàng hóa nguy hiểm thuộc Nhóm 9

Vận tải đường biển (IMDG)

14.1 Số UN UN 3077

14.2 Tên vận chuyển thích hợp ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID, N.O.S. (HYDROQUINONE)

14.3 Hạng 9

14.4 Nhóm đóng gói III

14.5 môi trường độc hại có

14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng có

EmS F-A S-F

Các gói nhỏ hơn hoặc bằng 5 kg / L, không phải hàng hóa nguy hiểm thuộc Nhóm 9

14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC

Không liên quan

Phần 15. Thông tin pháp luật

15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Luật pháp quốc gia
Lớp cất giữ

15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đối với sản phẩm này, đánh giá an toàn hóa học theo quy định REACH của E U Số 1907/2006 không được thực hiện.

Phần 16. Các thông tin khác

Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 2 và 3.

H302 Có hại nếu nuốt phải.
H317 Có thể gây phản ứng dị ứng da.
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H341 Nghi ngờ gây ra các khiếm khuyết về di truyền.
H351 Nghi ngờ gây ung thư.
H400 Rất độc đối với thủy sinh vật.

Tư vấn về đào tạo

Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

822333
Hydroquinone for synthesis

Dán nhãn

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo
Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H302 Có hại nếu nuốt phải.
H317 Có thể gây phản ứng dị ứng da.
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H341 Nghi ngờ gây ra các khiếm khuyết về di truyền.
H351 Nghi ngờ gây ung thư.
H400 Rất độc đối với thủy sinh vật.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

P280 Đeo các thiết bị bảo vệ mắt.

Biện pháp ứng phó

P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút.

Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P313 Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn

Có thể tìm từ viết tắt và cụm từ viết tắt tại <http://www.wikipedia.org>.

Thông tin có ở đây dựa trên vốn kiến thức hiện tại của chúng tôi. Thông tin mô tả sản phẩm liên quan đến các biện pháp an toàn phù hợp. Thông tin không tuyên bố sự đảm bảo về bất kỳ đặc điểm nào của sản phẩm.

Chúng tôi dự định thông hiệu ở đầu trang v#/hoặc ch# trang của tài liệu n# c# thể tạm thời không phù hợp trực quan với sản phẩm được mua khi chúng tôi chuyển đổi thông hiệu của mình. Tuy nhiên, tất cả thông tin trong tài liệu liên quan đến sản phẩm vẫn không thay đổi v# ph# hợp với sản phẩm được đặt hàng. Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ mlsbranding@sial.com.